

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ

KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	T01	Nguyễn Công Quốc	An	2	5	2010	9A4	Toán	-1	Vắng
2	T02	Đặng Lâm	Anh	20	8	2010	9A4	Toán	-1	Vắng
3	T03	Lý Chúc	Anh	19	11	2010	9A5	Toán	3.75	
4	T04	Trần Gia	Bảo	21	4	2010	9A6	Toán	-1	Vắng
5	T05	Hồ Bá	Bình	17	11	2010	9A5	Toán	1.75	
6	T06	Lê Hải	Châu	9	11	2011	8A2	Toán	17.25	
7	T07	Vũ Tiến	Cường	17	2	2010	9A4	Toán	10.75	
8	T08	Hoàng Phan Minh	Đăng	2	6	2010	9A4	Toán	-1	Vắng
9	T09	Đỗ Trí	Dũng	24	9	2011	8A2	Toán	7.5	
10	T10	Lê Tiến	Dũng	8	1	2010	9A2	Toán	7.25	
11	T11	Khổng Minh	Giang	24	9	2010	9A7	Toán	-1	Vắng
12	T12	Phạm Thanh	Giang	27	3	2010	9A5	Toán	7.75	
13	T13	Nguyễn Phương	Hà	9	2	2011	8A2	Toán	8.5	
14	T14	Trần Sơn	Hải	20	3	2010	9A5	Toán	1.5	
15	T15	Dương Phạm	Hiền	16	7	2011	8A3	Toán	7.25	
16	T16	Vũ Sinh	Hùng	16	4	2010	9A5	Toán	9.5	
17	T17	Nguyễn Minh	Khang	13	9	2010	9A9	Toán	17	
18	T18	Nguyễn Tùng	Lâm	4	10	2010	9A11	Toán	2	
19	T19	Phú Chí	Lâm	14	3	2010	9A4	Toán	7.5	
20	T20	Nguyễn Vũ Tuệ	Lâm	17	8	2010	9A2	Toán	-1	Vắng
21	T21	Nguyễn Gia	Linh	17	10	2010	9A11	Toán	-1	Vắng
22	T22	Nguyễn Hải	Long	15	4	2010	9A9	Toán	11.25	
23	T23	Nguyễn Duy Bình	Minh	4	6	2010	9A4	Toán	-1	Vắng
24	T24	Nguyễn Vũ	Minh	21	9	2010	9A5	Toán	6.5	
25	T25	Phạm Khắc	Minh	22	12	2010	9A11	Toán	8	
26	T26	Trần Đức	Minh	28	1	2010	9A3	Toán	-1	Vắng
27	T27	Nguyễn Chí	Nguyên	22	4	2010	9A6	Toán	2.5	
28	T28	Đặng Vũ Minh	Nhật	7	9	2010	9A6	Toán	6.5	
29	T29	Nguyễn Tấn	Phát	19	1	2010	9A6	Toán	9.5	
30	T30	Nguyễn Mạnh	Phúc	29	12	2010	9A4	Toán	8.25	
31	T31	Lê Đức	Quang	12	12	2010	9A5	Toán	1.5	



TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
32	T32	Trần Quốc	Quyền	13	4	2010	9A2	Toán	2.5	
33	T33	Vũ Đình Minh	Tân	25	8	2011	8A2	Toán	12.5	
34	T34	Lã Nguyễn Anh	Thư	28	6	2010	9A5	Toán	3	
35	T35	Tô Hương	Trà	17	4	2010	9A4	Toán	2.5	
36	T36	Nguyễn Quốc	Tú	16	1	2010	9A5	Toán	2.5	
37	T37	Nguyễn Minh	Tuấn	1	9	2010	9P	Toán	-1	Vắng
38	T38	Vũ Hoàng	Tùng	18	4	2010	9A4	Toán	7.5	
39	T39	Phạm Thùy	Trang	29	3	2010	9A5	Toán	1.5	
40	T40	Nguyễn Khánh	Tùng	25	11	2010	9A6	Toán	4	

LẬP BIỂU

Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến



UBND QUẬN BA ĐÌNH

TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ

KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	V01	Đình Hà	An	22	4	2010	9A2	Ngữ văn	-1	Vắng
2	V02	Hoàng Thị Nguyên	An	15	6	2010	9A1	Ngữ văn	10.75	
3	V03	Nguyễn Minh Hà	An	18	10	2010	9A4	Ngữ văn	-1	Vắng
4	V04	Đặng Quỳnh	Anh	22	2	2010	9A11	Ngữ văn	9.25	
5	V05	Dương Kiều	Anh	28	2	2010	9A1	Ngữ văn	14	
6	V06	Nguyễn Minh	Anh	9	2	2010	9A1	Ngữ văn	13.75	
7	V07	Tạ Quỳnh	Anh	4	4	2010	9A3	Ngữ văn	7.75	
8	V08	Trịnh Phương	Anh	25	8	2010	9A3	Ngữ văn	13.75	
9	V09	Vũ Minh	Anh	5	10	2010	9A10	Ngữ văn	5	
10	V10	Đặng Thị Ngọc	Ánh	12	10	2010	9A3	Ngữ văn	8.75	
11	V11	Đỗ Mỹ	Anh	28	7	2010	9A7	Ngữ văn	3.5	
12	V12	Phan Ngọc	Diệp	6	4	2010	9A1	Ngữ văn	6.75	
13	V13	Phùng Hạnh	Giang	18	11	2010	9A1	Ngữ văn	4.25	
14	V14	Nguyễn Phạm Ngân	Hà	9	8	2010	9A7	Ngữ văn	11.5	
15	V15	Trần Thanh	Hà	29	10	2010	9A8	Ngữ văn	7.75	
16	V16	Vũ Minh	Hằng	19	4	2010	9A1	Ngữ văn	11.25	
17	V17	Nguyễn Đăng	Huy	27	4	2010	9A1	Ngữ văn	11.75	
18	V18	Nguyễn Minh	Hương	10	3	2010	9A1	Ngữ văn	5	
19	V19	Văn Hà	Hương	4	9	2010	9A1	Ngữ văn	15.5	
20	V20	Đoàn An	Khanh	27	12	2010	9A4	Ngữ văn	12.25	
21	V21	Đặng Vũ Thuỷ	Lâm	12	8	2010	9A5	Ngữ văn	7.25	
22	V22	Hoa Gia	Linh	19	7	2010	9A2	Ngữ văn	7.5	
23	V23	Đình Ngọc	Mai	21	12	2010	9A3	Ngữ văn	8.5	
24	V24	Trần Thanh	Mai	2	10	2010	9A7	Ngữ văn	9.25	
25	V25	Phạm Phương	Minh	16	11	2010	9A8	Ngữ văn	6.25	
26	V26	Phạm Minh	Ngọc	26	12	2010	9A1	Ngữ văn	7.75	
27	V27	Trần Bích	Ngọc	2	1	2010	9A7	Ngữ văn	7.5	
28	V28	Phan Hoàng Diệp	Nguyên	1	10	2010	9A1	Ngữ văn	11	
29	V29	Đoàn Hạnh	Nhi	5	9	2010	9A1	Ngữ văn	9.5	
30	V30	Hoàng Yến	Nhi	30	1	2010	9A3	Ngữ văn	6.5	
31	V31	Nguyễn Hà	Phương	20	4	2010	9A4	Ngữ văn	-1	
32	V32	Đỗ Bảo	Quỳnh	18	1	2010	9A1	Ngữ văn	9.25	

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
33	V33	Trần Quốc	Quyền	13	4	2010	9A2	Ngữ văn	-1	Vắng
34	V34	Hồ Khánh	Thư	11	4	2010	9A1	Ngữ văn	-1	Vắng
35	V35	Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	19	7	2010	9A5	Ngữ văn	9	
36	V36	Vũ Tường	Vân	10	1	2010	9A7	Ngữ văn	7.25	
37	V37	Trần Khánh	Vy	27	10	2010	9A11	Ngữ văn	13.5	
38	V38	Trần Hà	My	3	10	2010	9A1	Ngữ văn	5.75	
39	V39	Trần Ngân	Khánh	16	5	2011	8A2	Ngữ văn	9	

LẬP BIỂU

Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến



UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	Điểm	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	A 01	Nguyễn Đức	Thành	21	1	2010	9A7	Tiếng Anh	7	
2	A 02	Trần Quốc	Quyền	13	4	2010	9A2	Tiếng Anh	-1	Vắng
3	A 03	Trương Bình	Minh	29	9	2010	9A10	Tiếng Anh	11.2	
4	A 04	Đoàn Hạnh	Nguyên	26	1	2010	9A11	Tiếng Anh	4.6	
5	A 05	Nguyễn Chí Bảo	Sơn	31	1	2010	9A6	Tiếng Anh	4.8	
6	A 06	Triệu Bình	Sơn	27	10	2010	9A8	Tiếng Anh	-1	Vắng
7	A 07	Bùi Bảo	Châu	10	10	2010	9A7	Tiếng Anh	6.6	
8	A 08	Nguyễn Mạnh	Phúc	29	12	2010	9a4	Tiếng Anh	-1	Vắng
9	A 09	Phan Trọng Nhật	Minh	1	11	2010	9A6	Tiếng Anh	-1	Vắng
10	A 10	Nguyễn Đăng Duy	Bách	26	7	2011	8A6	Tiếng Anh	12.8	
11	A 11	Lê Việt	Huy	20	9	2010	9A6	Tiếng Anh	7.4	
12	A 12	Nguyễn Phùng Khánh	Chi	16	7	2011	8A1	Tiếng Anh	11.8	
13	A 13	Lê	Dũng	10	2	2011	8A9	Tiếng Anh	-1	Vắng
14	A 14	Vũ Gia	Linh	18	5	2011	8A3	Tiếng Anh	12.2	
15	A 15	Vũ Hải	Bình	24	12	2011	8A7	Tiếng Anh	-1	Vắng
16	A 16	Nguyễn Vũ Tuệ	Lâm	17	8	2010	9A2	Tiếng Anh	12.6	
17	A 17	Đỗ Linh	Đan	31	10	2011	8A2	Tiếng Anh	8	
18	A 18	Lưu Minh	Huy	18	4	2011	8A2	Tiếng Anh	10.4	
19	A 19	Lê An Khôi	Nguyên	2	6	2010	9A6	Tiếng Anh	-1	Vắng
20	A 20	Nguyễn Việt	Cường	27	7	2011	8A2	Tiếng Anh	7.2	
21	A 21	Nguyễn Lương Bảo	Tuấn	30	8	2011	8A2	Tiếng Anh	8	
22	A 22	Nguyễn Hoàng	Bách	24	12	2011	8A2	Tiếng Anh	7.2	
23	A 23	Bùi Lê	Quân	21	2	2011	8A2	Tiếng Anh	9.6	
24	A 24	Lê Trà	Mi	20	3	2011	8A2	Tiếng Anh	8.2	
25	A 25	Trần Tuấn	Nam	14	3	2011	8A2	Tiếng Anh	6.6	
26	A 26	Đặng Hồng	Đức	14	5	2010	9A11	Tiếng Anh	2.6	
27	A 27	Trịnh Hoàng Nam	Khánh	14	5	2010	9A6	Tiếng Anh	8.6	
28	A 28	Nguyễn Khánh	Hiền	18	1	2010	9A1	Tiếng Anh	6.6	
29	A 29	Nguyễn Duy Đức	Sơn	3	4	2010	9A8	Tiếng Anh	7.4	
30	A 30	Trần Nam	Bách	2	4	2010	9A2	Tiếng Anh	-1	Vắng
31	A 31	Nguyễn Vũ Kiều	Giang	20	5	2010	9A2	Tiếng Anh	14.8	
32	A 31B	Nguyễn Hà	Linh	3	10	2010	9A8	Tiếng Anh	9	

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương



Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	Điểm	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	A 32	Nguyễn Tú	Uyên	23	3	2010	9A3	Tiếng Anh	11.4	
2	A 33	Phùng Hạnh	Giang	18	11	2010	9A1	Tiếng Anh	-1	Vắng
3	A 34	Kiều Vũ Quỳnh	Chi	18	2	2010	9A4	Tiếng Anh	4.4	
4	A 35	Nguyễn Đức	Minh	9	7	2010	9A4	Tiếng Anh	6	
5	A 36	Trịnh Đình	Lâm	5	2	2010	9A5	Tiếng Anh	8.6	
6	A 37	Trần Vũ Bách	Phước	11	6	2010	9A1	Tiếng Anh	12	
7	A 38	Đỗ Phan Ngọc	Khuê	5	8	2010	9A7	Tiếng Anh	5.8	
8	A 39	Tạ Hải	Phong	9	11	2010	9A7	Tiếng Anh	12.4	
9	A 40	Nguyễn Gia	Bách	13	9	2010	9A3	Tiếng Anh	5.2	
10	A 41	Nguyễn Thu	Minh	2	3	2010	9A1	Tiếng Anh	12.2	
11	A 42	Nguyễn Bảo	Nam	18	1	2010	9A8	Tiếng Anh	13.8	
12	A 43	Đoàn Hạnh	Nhi	5	9	2010	9A1	Tiếng Anh	-1	Vắng
13	A 44	Đỗ Nguyễn Trung	Kiên	20	10	2010	9A8	Tiếng Anh	-1	Vắng
14	A 45	Văn Hà	Hương	4	9	2010	9A1	Tiếng Anh	-1	Vắng
15	A 46	Nguyễn Gia	Bách	25	5	2010	9A4	Tiếng Anh	-1	Vắng
16	A 47	Nguyễn Quế	Như	21	3	2011	8A1	Tiếng Anh	9.8	
17	A 48	Trần Sơn	Hải	20	3	2010	9A5	Tiếng Anh	-1	Vắng
18	A 49	Trần Lê	Minh	29	7	2010	9A1	Tiếng Anh	-1	Vắng
19	A 50	Vũ Minh	Hằng	19	4	2010	9A1	Tiếng Anh	-1	Vắng
20	A 51	Vũ Khánh	Linh	9	2	2010	9A4	Tiếng Anh	15.4	
21	A 52	Doãn Minh	Quân	10	3	2010	9A7	Tiếng Anh	10.6	
22	A 53	Trần Thanh Mai	Mai	2	10	2010	9A7	Tiếng Anh	-1	Vắng
23	A 54	Nguyễn Hạnh	Minh	11	3	2010	9A2	Tiếng Anh	13.2	
24	A 55	Trần Hà	Vy	5	9	2010	9A2	Tiếng Anh	8.8	
25	A 56	Phạm Việt	Đức	12	10	2010	9A6	Tiếng Anh	7.2	
26	A 57	Phạm Trần Bảo	An	9	10	2019	9A6	Tiếng Anh	9.2	
27	A 58	Nguyễn Vũ Tuệ	Lâm	17	8	2010	9A2	Tiếng Anh	-1	Vắng
28	A 59	Đỗ Bảo	Quên	18	1	2010	9A1	Tiếng Anh	-1	Vắng
29	A 60	Phạm Thanh	Giang	27	3	2010	9A5	Tiếng Anh	-1	Vắng
30	A 61	Wessel Lucas	Duy	3	3	2010	9A10	Tiếng Anh	10	
31	A 62	Ngô Phúc	Hải	28	12	2010	9A7	Tiếng Anh	8.6	
32	A 63	Nguyễn Minh	Anh	4	1	2010	9A5	Tiếng Anh	7.4	
33	A 64	Nguyễn Khoa	Nam	19	8	2010	9A8	Tiếng Anh	13.4	

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương



HIỆU TRƯỞNG

Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	Điểm	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	A 63	Trần Minh	Anh	22	3	2010	9A2	Tiếng Anh	17.8	
2	A 64	Lưu Nguyễn Ân	Mai	19	7	2011	8A4	Tiếng Anh	14.2	
3	A 65	Đỗ Minh	Hùng	20	2	2011	8A7	Tiếng Anh	7.9	
4	A 66	Trần Phạm Minh	Châu	24	6	2011	8A6	Tiếng Anh	15.2	
5	A 67	Nguyễn Việt Tuệ	Minh	30	10	2011	8A4	Tiếng Anh	10.8	
6	A 68	Lữ Ngọc Linh	Anh	29	12	2010	9A4	Tiếng Anh	6.2	
7	A 69	Hoàng Nguyễn Kiều	Anh	3	5	2010	9A4	Tiếng Anh	2.8	
8	A 70	Phạm Gia	Huy	13	6	2010	9A7	Tiếng Anh	6	
9	A 71	Trần Nam	Bách	2	4	2010	9A2	Tiếng Anh	8	
10	A 72	Nguyễn Hoàng	An	27	5	2010	9A2	Tiếng Anh	14.8	
11	A 73	Đinh Minh	Phuong	10	2	2010	9A2	Tiếng Anh	15.8	
12	A 74	Đinh Minh	Nguyên	10	2	2010	9A2	Tiếng Anh	11.6	
13	A 75	Đinh Đức	Mạnh	18	3	2010	9A11	Tiếng Anh	10.4	
14	A 76	Phạm Phú	Minh	31	1	2010	9A2	Tiếng Anh	-1	Vắng
15	A 77	Phạm Minh	Minh	3	2	2011	8A4	Tiếng Anh	13.4	
16	A 78	Nguyễn Khoa	Nam	19	8	2010	9A8	Tiếng Anh	-1	
17	A 79	Phạm Phương	Linh	4	11	2010	9A4	Tiếng Anh	4.8	
18	A 80	Nguyễn Dũng	Minh	24	4	2010	9A2	Tiếng Anh	10.4	
19	A 81	Ngô Vi Hải	Đăng	11	1	2010	9A7	Tiếng Anh	14.2	
20	A 82	Trần Nguyễn Bảo Châu	Châu	7	11	2010	9A2	Tiếng Anh	14.2	
21	A 83	Nguyễn Hà	Linh	3	10	2010	9A8	Tiếng Anh	-1	Vắng
22	A 84	Nguyễn Vũ Ngọc	Hà	1	5	2010	9A3	Tiếng Anh	7.4	
23	A 85	Hoàng Ngọc Khánh	Vy	27	9	2010	9A7	Tiếng Anh	5.2	
24	A 86	Hoa Gia	Linh	19	7	2010	9A2	Tiếng Anh	-1	Vắng
25	A 87	Lê Minh	An	17	8	2010	9A6	Tiếng Anh	8.4	
26	A 88	Nguyễn Lâm	Khoa	17	1	2010	9A5	Tiếng Anh	12.8	
27	A 89	Lương Thanh	Nga	6	2	2011	8A1	Tiếng Anh	8	
28	A 90	Hoàng Hải Đức	Minh	13	10	2010	9A4	Tiếng Anh	12	
29	A 91	Bùi Tuấn	Nam	31	3	2010	9A5	Tiếng Anh	-1	Vắng
30	A 92	Nguyễn Bảo	Phuong	29	1	2010	9A5	Tiếng Anh	9	
31	A 93	Thái Ngọc	Nhi	4	12	2010	9A2	Tiếng Anh	12.6	
32	A 94	Nhữ Quỳnh	Đan	11	10	2011	8A4	Tiếng Anh	13.4	

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương



Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	Điểm	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	P01	Hoàng Chi Diệu	Linh	14	3	2010	9P	Tiếng Pháp	18.4	
2	P02	Nguyễn Hoàng	Anh	9	11	2010	9P	Tiếng Pháp	11.45	
3	P03	Trần Hoàng	Khanh	20	10	2010	9P	Tiếng Pháp	15.8	
4	P04	Nguyễn Khánh	Ngọc	4	3	2010	9P	Tiếng Pháp	14.8	
5	P05	Nguyễn Minh	Tuấn	1	9	2010	9P	Tiếng Pháp	14.75	
6	P06	Phạm Chúc	An	29	1	2010	9P	Tiếng Pháp	15.45	
7	P07	Trần Ngọc Bảo	An	1	9	2010	9P	Tiếng Pháp	14.25	
8	P08	Vũ Bảo	Linh	3	9	2010	9P	Tiếng Pháp	7.1	
9	P09	Nguyễn Phương	Chi	24	6	2010	9P	Tiếng Pháp	5.9	
10	P10	Đỗ Hương	Giang	18	2	2011	8P	Tiếng Pháp	17.45	
11	P11	Nguyễn Phương	Nguyên	1	11	2011	8P	Tiếng Pháp	17.05	
12	P12	Đỗ Gia	Bình	3	10	2011	8P	Tiếng Pháp	14.45	
13	P13	Nguyễn Đỗ Tường	Vân	8	3	2011	8P	Tiếng Pháp	13.1	
14	P14	Nguyễn Minh	Đức	26	2	2011	8P	Tiếng Pháp	13	
15	P15	Trịnh Khánh	Thư	11	8	2011	8P	Tiếng Pháp	12.95	
16	P16	Nguyễn Thanh	Vân	31	1	2011	8P	Tiếng Pháp	11.7	
17	P17	Hoàng Bảo	Đan	26	7	2010	9P	Tiếng Pháp	12.4	
18	P18	Nguyễn Trúc	Linh	3	1	2010	9P	Tiếng Pháp	9.3	

LẬP BIỂU

Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	LS 01	Tạ Huyền	My	5	8	2010	9A2	Lịch sử	16.75	
2	LS 02	Bàng Đào Thùy	Chi	4	2	2010	9A2	Lịch sử	-1	Vắng
3	LS 03	Lê	Dũng	10	2	2011	8A9	Lịch sử	6.5	
4	LS 04	Nguyễn Hữu Hoàng	Đạt	9	9	2010	9A7	Lịch sử	10.25	
5	LS 05	Nguyễn Thanh	Mai	7	10	2010	9A7	Lịch sử	9.25	
6	LS 06	Trần Minh	Thư	30	8	2010	9A7	Lịch sử	6.5	
7	LS 07	Hoàng Ngọc Khánh	Vy	27	9	2010	9A7	Lịch sử	-1	Vắng
8	LS 08	Lê Trần	Đức	21	12	2010	9A8	Lịch sử	4.75	
9	LS 09	Tạ Quang	Minh	19	9	2010	9A3	Lịch sử	10.5	
10	LS 10	Đào Minh	Nghĩa	28	6	2010	9A3	Lịch sử	13.25	
11	LS 11	Đặng Bảo	Kha	15	5	2011	8A7	Lịch sử	-1	Vắng
12	LS 12	Nguyễn Duy	Khôi	20	9	2010	9A1	Lịch sử	14.25	
13	LS 13	Hoàng	Khôi	7	11	2010	9A1	Lịch sử	11.75	
14	LS 14	Nguyễn Gia	Bách	25	5	2010	9A4	Lịch sử	5.75	
15	LS 15	Vũ Mai	Anh	9	11	2010	9A2	Lịch sử	6.25	
16	LS 16	Lê Thanh	Hà	6	12	2011	8A2	Lịch sử	2.5	
17	LS 17	Ngô Khánh	Chi	27	7	2011	8A2	Lịch sử	13.75	
18	LS 18	Lê Lâm	Anh	29	12	2010	9A8	Lịch sử	8	
19	LS 19	Phan Duy Hải	Nam	16	4	2010	9A8	Lịch sử	7.75	
20	LS 20	Mai Thị Thanh	Bình	20	6	2011	8A2	Lịch sử	11.5	
21	LS 21	Trần Đức	Anh	12	12	2011	8A9	Lịch sử	11.25	
22	LS 22	Chu Hà	Linh	7	7	2011	8A3	Lịch sử	1.5	
23	LS 23	Nguyễn Đỗ Khánh	An	31	12	2010	9A1	Lịch sử	5.5	
24	LS24	Nguyễn	Nam	20	7	2010	9A6	Lịch sử	6.75	
25	LS25	Vũ Bảo	Trân	1	3	2010	9A8	Lịch sử	6	

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	Điểm	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	ĐL 01	Nguyễn Khánh	Huyền	24	7	2010	9A9	Địa lí	11	
2	ĐL 02	Nguyễn Huy	Tuấn	12	10	2010	9A9	Địa lí	7.5	
3	ĐL 03	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	6	7	2010	9A7	Địa lí	12.3	
4	ĐL 04	Nguyễn Cẩm	Ngọc	18	11	2010	9A10	Địa lí	12.3	
5	ĐL 05	Trần Vân	Giang	15	12	2010	9A10	Địa lí	14	
6	ĐL 06	Trần Minh	Hà	20	9	2010	9A4	Địa lí	10	
7	ĐL 07	Hoàng Phan Minh	Đăng	2	6	2010	9A4	Địa lí	8	
8	ĐL 08	Từ Tuệ	Lâm	20	9	2010	9A8	Địa lí	9.25	
9	ĐL 09	Trần Xuân	Bách	27	5	2010	9A4	Địa lí	9.5	
10	ĐL 10	Nguyễn Ngọc	Hà	21	1	2010	9A2	Địa lí	9.5	
11	ĐL 11	Bùi Tuấn	Nam	31	3	2010	9A5	Địa lí	5	
12	ĐL 12	Nguyễn Lan	Phương	25	4	2010	9A2	Địa lí	13.8	
13	ĐL 13	Nguyễn Tuấn	Thịnh	18	11	2010	9A3	Địa lí	8	
14	ĐL 14	Quách Lâm	Dao	16	8	2010	9A11	Địa lí	5.75	
15	ĐL 15	Nguyễn Đức	Khang	19	05	2011	8A7	Địa lí	7.25	

LẬP BIỂU

Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	KHH 01	Nguyễn Minh Hà	An	18	10	2010	9A4	KHTN	16.25	
2	KHH 02	Phạm Trần Bảo	An	9	10	2010	9A6	KHTN	-1	Vắng
3	KHH 03	Đặng Lâm	Anh	20	8	2010	9A4	KHTN	7.5	
4	KHH 04	Vũ Minh	Anh	14	5	2010	9A4	KHTN	13.5	
5	KHH 05	Phạm Tuấn	Anh	26	12	2010	9A1	KHTN	7.75	
6	KHH 06	Nguyễn Huy	Anh	26	3	2010	9A4	KHTN	18.25	
7	KHH 07	Nguyễn Gia	Bách	13	9	2010	9A3	KHTN	-1	Vắng
8	KHH 08	Lê Hoàng	Bách	9	1	2010	9A4	KHTN	8	
9	KHH 09	Nguyễn Gia	Bách	4	12	2011	8A2	KHTN	3.75	
10	KHH 10	Hồ Ngọc	Diệp	2	6	2010	9A1	KHTN	4.25	
11	KHH 11	Nguyễn Hoàng	Duy	23	12	2010	9A7	KHTN	6.25	
12	KHH 12	Nguyễn Linh	Giang	4	9	2010	9A1	KHTN	10	
13	KHH 13	Khổng Minh	Giang	24	9	2010	9A7	KHTN	6.25	
14	KHH 14	Trần Thu	Hằng	22	10	2010	9A7	KHTN	2.6	
15	KHH 15	Phạm Bảo	Hân	18	1	2010	9A10	KHTN	13	
16	KHH 16	Nguyễn Minh	Khang	22	9	2011	8A2	KHTN	5.1	
17	KHH 17	Nguyễn Đăng	Khoa	3	6	2011	8A2	KHTN	13.25	
18	KHH 18	Nguyễn Đăng	Khoa	3	6	2011	8A2	KHTN		Trùng tên
19	KHH 19	Phạm Thiện	Khôi	8	3	2011	8A2	KHTN	8	
20	KHH 20	Lê Tuấn	Minh	20	8	2010	9A4	KHTN	1.75	
21	KHH 21	Bùi Quang	Minh	2	4	2010	9A5	KHTN	11.75	
22	KHH 22	Nguyễn Duy Bình	Minh	4	6	2010	9A4	KHTN	15	
23	KHH 23	Trần Lê	Minh	29	7	2010	9A1	KHTN	5.25	
24	KHH 24	Nguyễn Tùng	Minh	27	12	2011	8A9	KHTN	3.6	
25	KHH 25	Phan Trọng Nhật	Minh	1	11	2010	9A6	KHTN	2.5	
26	KHH 26	Nguyễn Phương	Nga	6	4	2010	9A3	KHTN	6	
27	KHH 27	Hoàng Đăng	Nguyên	25	7	2011	8A2	KHTN	13.25	
28	KHH 28	Hoàng Minh	Nguyên	26	6	2010	9A6	KHTN	15.5	
29	KHH 29	Hoàng Đăng	Nguyên	25	7	2011	8A2	KHTN		Trùng tên
30	KHH 30	Lê An Khôi	Nguyên	2	6	2010	9A6	KHTN	5.25	
31	KHH 31	Trần Gia	Phát	12	7	2010	9A5	KHTN	4.75	
32	KHH 32	Phạm Đình	Phong	5	1	2011	8A3	KHTN	6.5	
33	KHH 33	Lê Hà	Phuong	27	9	2010	9A3	KHTN	11.25	



TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
34	KHH 34	Nguyễn Hà	Phương	20	4	2010	9A4	KHTN	3.75	
35	KHH 35	Bùi Hoàng	Quân	17	3	2011	8A4	KHTN	-1	Vắng
36	KHH 36	Nguyễn Minh	Son	18	12	2011	8A2	KHTN	5	
37	KHH 37	Vũ Minh	Trí	15	12	2010	9P	KHTN	5	
38	KHH 38	Phùng Thanh	Tùng	5	6	2011	8A3	KHTN	5	
39	KHH 39	Trần Thanh	Tuyền	8	8	2010	9A9	KHTN	-1	Vắng

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến



UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	KHL 01	Nguyễn Công Quốc	An	2	5	2010	9A4	KHTN	10.5	
2	KHL 02	Đặng Lâm	Anh	20	8	2010	9A4	KHTN	-1	Vắng
3	KHL 03	Lê Nam	Anh	21	7	2010	9A3	KHTN	-1	Vắng
4	KHL 04	Đỗ Trần Nguyệt	Hà	8	5	2010	9A4	KHTN	10.5	
5	KHL 05	Trần Minh	Hiếu	2	5	2011	8A7	KHTN	-1	Vắng
6	KHL 06	Lê Việt	Hoàng	13	9	2010	9A6	KHTN	7.25	
7	KHL 07	Đỗ Minh	Hùng	20	2	2011	8A7	KHTN	-1	Vắng
8	KHL 08	Hồ Gia	Huy	7	3	2010	9A3	KHTN	8.5	
9	KHL 09	Trần Đức	Huy	20	11	2010	9P	KHTN	7.75	
10	KHL 10	Đỗ Quốc	Hung	10	7	2010	9A4	KHTN	7.75	
11	KHL 11	Nguyễn Thành	Hung	26	10	2011	8A2	KHTN	5.5	
12	KHL 12	Chu Hà Gia	Khánh	4	1	2010	9A10	KHTN	7.5	
13	KHL 13	Nguyễn Gia	Khiêm	27	8	2011	8A3	KHTN	5.75	
14	KHL 14	Nguyễn Ngọc Hà	Linh	2	5	2011	8A7	KHTN	10.25	
15	KHL 15	Nguyễn Hoàng	Minh	31	5	2010	9A5	KHTN	8	
16	KHL 16	Nguyễn Phương	Minh	4	12	2011	8A9	KHTN	8.75	
17	KHL 17	Phạm Phú	Minh	31	8	2010	9A2	KHTN	12.75	
18	KHL 18	Trần Đức	Minh	28	1	2010	9A3	KHTN	12.75	
19	KHL 19	Trần Bảo	Nam	16	5	2011	8A2	KHTN	11.75	
20	KHL 20	Dương Hải	Nguyễn	5	6	2011	8A3	KHTN	-1	Vắng
21	KHL 21	Hoàng Gia	Phúc	8	7	2011	8A2	KHTN	15.25	
22	KHL 22	Phạm Xuân	Son	19	12	2010	9A5	KHTN	12.25	
20	KHL 23	Dương Tuấn	Minh	26	4	2020	9A7	KHTN	6.75	
21	KHL 24	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thy	15	2	2020	9A7	KHTN	5	
22	KHL 25	Đặng Vũ Gia	Huy	24	10	2020	9A7	KHTN	5	
23	KHL 26	Trần Minh	Hiếu	10	9	2010	9A8	KHTN	8.25	

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



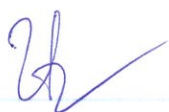
Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỶ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	KHS 01	Phùng Phương	Mai	22	1	2010	9A1	KHTN	12.25	
2	KHS 02	Nguyễn Khánh	An	25	8	2010	9A1	KHTN	-1	Vắng
3	KHS 03	Vũ Diễm	Quỳnh	12	1	2010	9A2	KHTN	15.375	
4	KHS 04	Nguyễn Minh	Thư	28	3	2010	9A2	KHTN	14	
5	KHS 05	Trần Lan	Phương	11	3	2010	9A2	KHTN	15.5	
6	KHS 06	Đinh Nguyễn Tuệ	Minh	1	8	2010	9A2	KHTN	15	
7	KHS 07	Đinh Minh	Phương	10	2	2010	9A2	KHTN	-1	Vắng
8	KHS 08	Nguyễn Hữu	Huy	22	1	2010	9A3	KHTN	5.25	
9	KHS 09	Nguyễn Ngọc Minh	Đức	11	7	2010	9A3	KHTN	3.25	
10	KHS 10	Nguyễn Tuấn	Khôi	23	11	2011	8A4	KHTN	8.75	
11	KHS 11	Nguyễn Khánh	Linh	15	1	2010	9A4	KHTN	13.5	
12	KHS 12	Hoàng An	Khang	14	11	2010	9A4	KHTN	16.75	
13	KHS 13	Bùi Hoàng	Tú	30	6	2010	9A4	KHTN	4.625	
14	KHS 14	Ngô Hoàng Minh	Đức	8	10	2010	9A4	KHTN	6	
15	KHS 15	Lê Duy	Hiếu	23	12	2010	9A4	KHTN	4.875	
16	KHS 16	Trần Đức Hoàng	Minh	13	4	2010	9A7	KHTN	5.625	
17	KHS 17	Lâm Thùy	Dương	14	4	2010	9A8	KHTN	5.075	
18	KHS 18	Đỗ Thùy	Dương	25	4	2010	9A8	KHTN	7.25	
19	KHS 19	Trương Diệp	Anh	11	7	2010	9A9	KHTN	7.375	
20	KHS 20	Đỗ Kiều	Anh	25	1	2010	9A9	KHTN	-1	Vắng
21	KHS 21	Nguyễn Quang	Khôi	24	7	2010	9A10	KHTN	9.25	
22	KHS 22	Nguyễn Gia	Linh	17	10	2010	9A11	KHTN	12.85	
23	KHS 23	Vũ Dương	Duy	23	11	2011	8A4	KHTN	3.5	
24	KHS 24	Giang Văn Tuấn	Anh	25	10	2010	9A7	KHTN	4.375	
25	KHS25	Trần Bảo	Nam	12	8	2011	8P	KHTN	3.5	

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	Điểm	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	TIN 01	Triệu Bình	Son	27	10	2010	9A8	Tin học	17	
2	TIN 02	Hồ Bá	Bình	17	1	2010	9A5	Tin học	-1	Vắng
3	TIN 03	Đỗ Minh	Khánh	3	7	2010	9A5	Tin học	0	
4	TIN 04	Dương Hải	Nguyên	5	6	2011	8A3	Tin học	14	
5	TIN 05	Đặng Phương	Thái	17	1	2011	8A3	Tin học	10	
6	TIN 06	Lê Trung	Kiên	13	9	2011	8A12	Tin học	-1	Vắng
7	TIN 07	Nguyễn Thành	Hung	8	1	2011	8A2	Tin học	16	
8	TIN 08	Nguyễn Việt	Bách	18	10	2011	8A2	Tin học	15	
9	TIN 09	Đinh Lê	Minh	20	6	2011	8A2	Tin học	17	
10	TIN 10	Đào Ánh	Giang	26	9	2011	8A2	Tin học	4	
11	TIN 11	Lê Đức	Trí	7	6	2011	8A9	Tin học	7	
12	TIN 12	Nguyễn Minh	An	11	9	2012	7A3	Tin học	5	

LẬP BIỂU

Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ
KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HOÁ LỚP 9 CẤP TRƯỜNG
Năm học: 2024-2025

BẢNG GHI ĐIỂM BÀI THI

TT	SBD	Họ, đệm	Tên	Ngày sinh			Lớp	Môn thi	ĐIỂM	Ghi chú
				ngày	tháng	năm				
1	CD 01	Trần Thục	Quyên	21	8	2010	9A7	GD CD	7.25	
2	CD 02	Dương Phương	Thảo	16	7	2010	9A7	GD CD	12.75	
3	CD 03	Vũ Hồng	Hải	14	10	2010	9A7	GD CD	10.5	
4	CD 04	Tổng Khánh	Linh	13	8	2010	9A2	GD CD	8.75	
5	CD 05	Nguyễn Thảo	Linh	12	4	2011	8A1	GD CD	8.25	
6	CD 06	Lê Hải	Phương	9	9	2011	8A11	GD CD	7.5	
7	CD 07	Nguyễn Khánh	Chi	9	10	2011	8A4	GD CD	5.75	
8	CD 08	Đình Gia	Kỳ	12	4	2010	9A11	GD CD	11.5	
9	CD 09	Đoàn Tô Tuệ	Hương	14	11	2011	8A4	GD CD	6.25	
10	CD 10	Lương Hương	Giang	30	12	2011	8A1	GD CD	8.25	
11	CD 11	Nguyễn Cao Khánh	Thy	25	10	2011	8A1	GD CD	8.25	
12	CD 12	Phùng Châu	Anh	26	4	2011	8A4	GD CD	8.75	
13	CD 13	Phạm Nguyễn Bảo	Vy	1	8	2011	8A11	GD CD	4.75	
14	CD 14	Nguyễn Mai	Anh	19	11	2011	8A4	GD CD	3.75	
15	CD 15	Lê Thảo	Vy	31	3	2011	8A4	GD CD	5.75	
16	CD 16	Nguyễn Lê Bảo	Châu	16	3	2011	8A1	GD CD	8.5	
17	CD 17	Vũ Vương	Duy	23	10	2011	8A4	GD CD	-1	

LẬP BIỂU



Tạ Thu Hương

HIỆU TRƯỞNG



Tô Thị Hải Yến